BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-26
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	09-26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 15 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km19, Thôn Cợp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quang Thành	Chủ tịch	
Ông Hồ Văn Tiến	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Nam	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Ái	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/01/2016
Ông Võ Quang Thành	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/01/2016
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Ngọc Lan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016
Ông Võ Văn Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016
Ông Võ Ngọc Bàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 3200474316-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ
H. HƯỚNG HÓA - T. QUẢNG TRỊ

Nguyễn Hữu Ái
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Số: 1758/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thương Phú

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Phú được lập ngày 01 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương Phú tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**50.480.983.471**	**46.188.118.188**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**4.087.840.990**	**7.045.930.519**
111	1. Tiền		4.087.840.990	7.045.930.519
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**20.100.100.000**	**21.903.052.544**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	12.701.100.000	6.200.000.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.383.000.000	8.955.752.544
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	5.508.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.016.000.000	1.239.300.000
140	**IV. Hàng tồn kho**	**8**	**26.235.707.689**	**17.200.968.636**
141	1. Hàng tồn kho		26.235.707.689	17.200.968.636
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**57.334.792**	**38.166.489**
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		57.334.792	38.166.489
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**72.326.373.131**	**73.128.489.225**
220	**II. Tài sản cố định**		**10.899.175.961**	**11.646.913.639**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	10.899.175.961	11.646.913.639
222	- *Nguyên giá*		*15.037.699.369*	*15.007.599.369*
223	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(4.138.523.408)*	*(3.360.685.730)*
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**58.000.000.000**	**58.000.000.000**
251	1. Đầu tư vào công ty con		58.000.000.000	58.000.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**3.427.197.170**	**3.481.575.586**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.427.197.170	3.481.575.586
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**122.807.356.602**	**119.316.607.413**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**8.227.157.301**	**8.035.474.562**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**8.227.157.301**	**8.035.474.562**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	30.621.000	330.981.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	1.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	209.429.087	339.574.737
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	13	7.139.327	20.540.286
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	6.800.000.000	6.800.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.179.967.887	543.378.539
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**114.580.199.301**	**111.281.132.851**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**15**	**114.580.199.301**	**111.281.132.851**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*100.000.000.000*	*100.000.000.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.179.967.887	543.378.539
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.400.231.414	10.737.754.312
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*9.464.575.616*	*4.371.860.832*
421b	*LNST chưa phân phối kỳ này*		*3.935.655.798*	*6.365.893.480*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**122.807.356.602**	**119.316.607.413**

M.S.D.N: 3200474316-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ
H.HƯỚNG HÓA - T.QUẢNG TRỊ

Hồ Văn Tiến	**Hồ Văn Tiến**	**Nguyễn Hữu Ái**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 01 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**17**	**40.229.600.000**	**10.734.800.000**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**40.229.600.000**	**10.734.800.000**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**18**	**35.400.267.647**	**9.889.708.579**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**4.829.332.353**	**845.091.421**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	98.702.000	311.861
22	7. Chi phí tài chính	20	313.616.553	348.718.603
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*313.616.553*	*348.718.603*
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	468.849.323	410.848.714
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**4.145.568.477**	**85.835.965**
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		483.592	-
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(483.592)**	**-**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**4.145.084.885**	**85.835.965**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	209.429.087	4.291.798
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**3.935.655.798**	**81.544.167**

Hồ Văn Tiến	**Hồ Văn Tiến**	**Nguyễn Hữu Ái**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 01 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***4.145.084.885***	***85.835.965***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		777.837.678	627.210.594
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(98.702.000)	(311.861)
06	- Chi phí lãi vay		313.616.553	348.718.603
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***5.137.837.116***	***1.061.453.301***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.724.215.759)	(3.875.974.585)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(9.034.739.053)	9.262.497.985
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(314.760.959)	(367.248.570)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		54.378.416	13.866.740
14	- Tiền lãi vay đã trả		(313.616.553)	(348.718.603)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(339.574.737)	-
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(8.534.691.529)***	***5.745.876.268***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.100.000)	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.508.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		98.702.000	311.861
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***5.576.602.000***	***311.861***
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	4.150.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		6.800.000.000	10.490.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(6.800.000.000)	(10.490.000.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		-	***4.150.000.000***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(2.958.089.529)**	**9.896.188.129**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**7.045.930.519**	**1.882.503.282**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**3**	**4.087.840.990**	**11.778.691.411**

Hồ Văn Tiến	**Hồ Văn Tiến**	**Nguyễn Hữu Ái**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Quảng Trị, ngày 01 tháng 08 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 15 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km19, Thôn Cợp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong thời gian 06 tháng đầu năm 2015 thị trường tiêu thụ cà phê của công ty còn tương đối ít. Cuối năm 2015, Công ty quyết định đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam (tỷ lệ quyền kiểm soát là 96,67%), Công ty cổ phần Nasan Việt Nam có nhà máy chế biến cà phê nhân xuất khẩu, có thị trường xuất khẩu và có mạng lưới khách hàng tiêu thụ cà phê rộng lớn bao gồm cả khách hàng trong nước và nước ngoài. Do đó 6 tháng đầu năm 2016 thị trường tiêu thụ của Công ty được mở rộng, có thêm nhiều khách hàng mới nên doanh thu tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10	năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08	năm
- Tài sản cố định khác	08	năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.338.324.844	1.505.088.227
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.749.516.146	5.540.842.292
	4.087.840.990	**7.045.930.519**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	58.000.000.000	-	58.000.000.000	-
	58.000.000.000	**-**	**58.000.000.000**	**-**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Thành phố Hà Nội	Hà Nội	96,67%	Sản xuất và buôn bán nông, lâm sản

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Cà phê Tây Bắc	4.150.500.000	-
- Công ty Cổ phần Gap Việt Nam	4.291.200.000	-
- Công ty Cổ phần Thanh Hà	-	6.200.000.000
- Công ty Gia vị Hà Nội	4.259.400.000	-
	12.701.100.000	**6.200.000.000**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ứng trước tiền cho các hộ nông dân để mua cà phê	6.350.000.000	-	8.955.752.544	-
Trả trước cho người bán khác	33.000.000	-	-	-
	6.383.000.000	**-**	**8.955.752.544**	**-**

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	1.016.000.000	-	1.239.300.000	-
	1.016.000.000	**-**	**1.239.300.000**	**-**

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	8.841.479.600	-
Thành phẩm	26.235.707.689	-	8.359.489.036	-
	26.235.707.689	**-**	**17.200.968.636**	**-**

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.551.699.369	6.030.700.000	1.023.200.000	402.000.000	15.007.599.369
- Mua trong kỳ	-	30.100.000	-	-	30.100.000
Số dư cuối kỳ	**7.551.699.369**	**6.060.800.000**	**1.023.200.000**	**402.000.000**	**15.037.699.369**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.393.890.086	1.291.779.891	511.600.000	163.415.753	3.360.685.730
- Khấu hao trong kỳ	378.834.970	309.927.708	63.950.000	25.125.000	777.837.678
Số dư cuối kỳ	**1.772.725.056**	**1.601.707.599**	**575.550.000**	**188.540.753**	**4.138.523.408**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.157.809.283	4.738.920.109	511.600.000	238.584.247	11.646.913.639
Tại ngày cuối kỳ	**5.778.974.313**	**4.459.092.401**	**447.650.000**	**213.459.247**	**10.899.175.961**

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.619.703.047 đồng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	30.344.029	41.709.179
Chi phí chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng 13.151 m2	3.396.853.141	3.439.866.407
	3.427.197.170	**3.481.575.586**

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Vật tư Phú Thành	30.621.000	30.621.000	30.621.000	30.621.000
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hợp Phát	-	-	209.860.000	209.860.000
Phải trả các đối tượng khác	-	-	90.500.000	90.500.000
	30.621.000	**30.621.000**	**330.981.000**	**330.981.000**

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	339.574.737	209.429.087	339.574.737	-	209.429.087
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	**339.574.737**	**212.429.087**	**342.574.737**	**-**	**209.429.087**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	4.802.447	12.272.286
- Bảo hiểm y tế	1.617.840	5.724.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	719.040	2.544.000
	7.139.327	**20.540.286**

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội_ Chi nhánh Hà Đông	6.800.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
	6.800.000.000	**6.800.000.000**	**6.800.000.000**	**6.800.000.000**	**6.800.000.000**	**6.800.000.000**

Thông tin chi tiết cho khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 22/2014/HDHM - PN/SHB.11200 ngày 07/04/2014 và phụ lục gia hạn ngày 09/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 6,8 tỷ đồng;
+ Thời hạn rút vốn của hợp đồng: đến hết ngày 09/07/2016;
+ Mục đích vay: thanh toán tiền mua cà phê thóc;
+ Lãi suất cho vay: 9,1%/năm;
+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất cà phê và một số tài sản hợp pháp của các cá nhân khác.

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**20.000.000.000**	**185.652.635**	**5.087.312.640**	**25.272.965.275**
Tăng vốn trong kỳ trước	10.150.000.000	-	-	10.150.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	81.544.167	81.544.167
Phân phối lợi nhuận	-	357.725.904	(715.451.808)	(357.725.904)
Số dư cuối kỳ trước	**30.150.000.000**	**543.378.539**	**4.453.404.999**	**35.146.783.538**
Số dư đầu năm nay	**100.000.000.000**	**543.378.539**	**10.737.754.312**	**111.281.132.851**
Lãi trong kỳ này	-	-	3.935.655.798	3.935.655.798
Phân phối lợi nhuận	-	636.589.348	(1.273.178.696)	(636.589.348)
Số dư cuối kỳ này	**100.000.000.000**	**1.179.967.887**	**13.400.231.414**	**114.580.199.301**

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2016/CTP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 01 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận luỹ kế đến 31/12/2015	100,00%	10.737.754.312
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,93%	636.589.348
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,93%	636.589.348
Lợi nhuận chưa phân phối	88,14%	9.464.575.616

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Bà Nguyễn Thị Thủy	15,00%	15.000.000.000	74,00%	74.000.000.000
Ông Võ Quang Thành	4,80%	4.800.000.000	12,00%	12.000.000.000
Các cổ đông khác	80,20%	80.200.000.000	14,00%	14.000.000.000
	100%	**100.000.000.000**	**100%**	**100.000.000.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	30.150.000.000
- *Vốn góp đầu kỳ*	*100.000.000.000*	*20.000.000.000*
- *Vốn góp tăng trong kỳ*	-	*10.150.000.000*
- *Vốn góp cuối kỳ*	*100.000.000.000*	*30.150.000.000*

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*10.000.000*	*10.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*10.000.000*	*10.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.179.967.887	543.378.539
	1.179.967.887	**543.378.539**

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	49,53	49,53

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm	40.229.600.000	10.734.800.000
	40.229.600.000	**10.734.800.000**

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	35.400.267.647	9.889.708.579
	35.400.267.647	**9.889.708.579**

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	98.702.000	311.861
	98.702.000	**311.861**

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	313.616.553	348.718.603
	313.616.553	**348.718.603**

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.251.514	13.866.740
Chi phí nhân công	260.372.465	352.296.269
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.225.344	41.476.705
Chi phí khác bằng tiền	110.000.000	209.000
	468.849.323	**410.848.714**

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.145.084.885	85.835.965
Các khoản điều chỉnh tăng	43.496.858	-
- *Chi phí không hợp lệ*	*43.496.858*	-
Thu nhập tính thuế TNDN	4.188.581.743	85.835.965
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	418.858.174	8.583.597
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(209.429.087)	(4.291.799)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**209.429.087**	**4.291.798**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	339.574.737	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(339.574.737)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	**209.429.087**	**4.291.798**

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.167.188.380	13.866.740
Chi phí nhân công	397.943.690	352.296.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	777.837.678	627.210.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.174.696	41.476.705
Chi phí khác bằng tiền	113.095.179	3.209.000
	40.554.239.623	**1.038.059.308**

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.087.840.990	-	7.045.930.519	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.717.100.000	-	7.439.300.000	-
Các khoản cho vay	-	-	5.508.000.000	-
	17.804.940.990	**-**	**19.993.230.519**	**-**

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	6.800.000.000	6.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	37.760.327	351.521.286
	6.837.760.327	**7.151.521.286**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.087.840.990	-	-	4.087.840.990
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.717.100.000	-	-	13.717.100.000
	17.804.940.990	**-**	**-**	**17.804.940.990**
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.045.930.519	-	-	7.045.930.519
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.439.300.000	-	-	7.439.300.000
Các khoản cho vay	5.508.000.000	-	-	5.508.000.000
	19.993.230.519	**-**	**-**	**19.993.230.519**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	37.760.327	-	-	37.760.327
	6.837.760.327	**-**	**-**	**6.837.760.327**
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	351.521.286	-	-	351.521.286
	7.151.521.286	**-**	**-**	**7.151.521.286**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo quyết định số 434/QĐ-SGDHN ngày 15/07/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, 10.000.000 cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là CTP, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 28/07/2016.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động sản xuất cà phê và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	108.243.875	151.200.000

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 do Công ty lập.

M.S.D.N: 3200474316-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ
H.HƯỚNG HÓA T.QUẢNG TRỊ

Hồ Văn Tiến	**Hồ Văn Tiến**	**Nguyễn Hữu Ái**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 01 tháng 08 năm 2016